

Số: 27/2023/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 01 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bà Đinh Thị Kim D** – Sinh năm 1983

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 08, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn H** – Sinh năm 1980

Nơi ĐKTT: xã Đồng Bầm, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị D1

Địa chỉ: Thôn 03, Đức Chính, xã Vĩnh Quang, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Bà Đàm Ngọc X

Địa chỉ: Chi cục thi hành án huyện Bảo Lâm, tỉnh CB.

3. Ông Đinh Quốc Th

Địa chỉ: Đoàn kinh tế Quốc phòng 799 huyện Bảo Lạc, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Đinh Thị Kim D – Sinh năm 1983

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 08, phường SH, thành phố CB, tỉnh CB.

Ông Nguyễn Văn H – Sinh năm 1980

Nơi ĐKTT: xã Đồng B, huyện ĐH, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn H.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng bà Đinh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thu H2 (giới tính: nữ; Sinh ngày 13/9/2005) và Nguyễn Kim Ng (giới tính: nữ; sinh ngày 25/3/2012).

Các đương sự cùng thống nhất thoả thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Bà Đinh Thị Kim D là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thu H2 (giới tính: nữ; Sinh ngày 13/9/2005) và Nguyễn Kim Ng (giới tính: nữ; sinh ngày 25/3/2012) đến khi các con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/01 con chung/01 tháng, hai con chung là 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2023 cho đến khi các con chung thành niên.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về việc chia tài sản chung:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản chung khi ly hôn” của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim D do đương sự tự nguyện rút yêu cầu.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố về việc “*Chia tài sản chung khi ly hôn*” của bị đơn ông Nguyễn Văn H do đương sự tự nguyện rút yêu cầu.

Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Bà Đình Thị Kinh D và ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn. Ông H còn phải chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà D phải nộp là 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003165 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CB và được hoàn lại số tiền 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Trả lại cho bà D số tiền 9.300.000đ (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) mà bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003387 ngày 21/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CB.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông H phải nộp là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 15.912.800đ (*Mười lăm triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm đồng*) ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003228 ngày 09/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CB và được hoàn lại số tiền 15.687.800đ (*Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- **UBND** huyện ĐH, tỉnh TN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đình Thị Hoài Phương